

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-01-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thắng
2. Bà Lương Thị Bảo Thùy

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 13-10-2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-12-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2025/QĐST-DS ngày 30-12-2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983; căn cước số 075183018490, cấp ngày 09-8-2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: A, ấp T, xã G, tỉnh Đồng Nai (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: anh Phan Trí Đ, sinh năm 1982; căn cước số 075082009632, cấp ngày 09-8-2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: A, ấp T, xã G, tỉnh Đồng Nai (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-10-2025, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Chị L và anh Phan Trí Đ tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/11/2002.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, chị L và anh Đ đã sống không còn sống chung từ năm 2022 đến nay. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Phan Trí Đ.

Về con: theo chị L, vợ chồng có 04 người con chung là Phan Quỳnh N, sinh ngày 07/12/2021; Phan Thành T, sinh ngày 15/10/2003; Phan Thị Lan H, sinh ngày 19/4/2008 và Phan Như Q, sinh ngày 16/12/2004. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng con chung cháu N và cháu H, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung cháu Q và cháu T hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: theo chị L, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị L đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Phan Trí Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú đối với bị đơn anh Đ, xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, kết quả xác minh như sau: Anh Đ có đăng ký thường trú tại A ấp T, xã G, huyện T, (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai, anh Đ vẫn sinh sống tại địa phương.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Tại biên bản xác minh đối với ông Phan Hữu C là bố ruột của anh Đ cho biết quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau, chị L và anh Đ đã không còn sống chung với nhau.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: (1) Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Phan Trí Đ. Về con: giao con Phan Quỳnh N, sinh ngày 07/12/2021; Phan Thị Lan H, sinh ngày 19/4/2008 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Về tài sản và nợ: không xem xét giải quyết. (2) Về án phí: đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Chị Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Phan Trí Đ, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phan Trí Đ có nơi cư trú tại: A, ấp T, xã G, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật:

Chị L và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét, giải quyết về nội dung vụ án.

[3] Về sự có mặt của đương sự:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

4.1. Hôn nhân giữa chị L và anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08-11-2002. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

4.2. Nguyên đơn chị L yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Trên cơ sở lời khai của đương sự, phù hợp với kết quả xác minh, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị L và anh Đ đã không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 đến nay. Như vậy, có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Đ là có cơ sở chấp nhận.

4.3. Đối với bị đơn anh Phan Trí Đ, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, anh Đ không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với chị L.

[5] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị L và anh Đ có 04 người con chung là Phan Quỳnh N, sinh ngày 07/12/2021; Phan Thành T, sinh ngày 15/10/2003; Phan Thị Lan H, sinh ngày 19/4/2008 và Phan Như Q, sinh ngày 16/12/2004. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu N và cháu H. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, con chung cháu N và cháu H sống cùng chị L, do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để không làm xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao con chung cháu N và cháu H cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp, cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung cháu H mong muốn được tiếp tục sống cùng mẹ. Đối với con chung cháu T và cháu Q hiện đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng lao động, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản, nợ chung:

Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét; về nợ chung, chị L trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Phan Trí Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Phan Trí Đ.

2. *Về con:* giao con Phan Quỳnh N, sinh ngày 07/12/2021 và Phan Thị Lan H, sinh ngày 19/4/2008 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh Phan Trí Đ có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002858 ngày 10-10-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 - Đồng Nai.
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 4 - Đồng Nai;
- UBND xã Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai, GCN số 114 quyền 01/2002, (Để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Phượng